

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-9-2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đình Bảng,

Ông Nguyễn Văn Nhòng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đào Văn Đ, sinh năm 19xx; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn 9, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt;

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh năm 1980, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 9, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng, chỗ ở: Thôn 13, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn (ông Đào Văn Đ) trình bày: Ông và bà Phạm Thị L tự nguyện chung sống với nhau từ đầu năm 19xx nhưng đến ngày 18 tháng 10 năm 19xx mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Ông bà chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc được 10 năm đầu thì mâu thuẫn phát sinh do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Năm 2010, do mâu thuẫn căng thẳng, ông bà đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể Đ tự,

ông Đ yêu cầu ly hôn bà L. Ông bà có một con chung là Đào Xuân L, sinh ngày 12/10/19xx, con chung đã trưởng thành, không phải nuôi dưỡng. Ông bà không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà L nhiều lần, yêu cầu bà L giao nộp bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng bà L không thực hiện.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Mâu thuẫn giữa ông Đ, bà L là do bất đồng quan điểm sống, ông bà thường xuyên xô sát, cãi nhau. Năm 2010, do vợ chồng cãi nhau, bà L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn 13, xã H sinh sống, từ đó đến nay ông bà sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Ông bà có một con chung như ông Đ khai, hiện con chung của ông bà đã trưởng thành, không phải nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, ông Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bà L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên tòa được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không có mặt tại phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của bị đơn quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, xử cho ông Đào Xuân L được ly hôn bà Phạm Thị L; ông bà có một con chung là Đào Xuân L, đã trưởng thành, không phải nuôi dưỡng; không có tài sản và nợ chung nên không đặt ra giải quyết; ông Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình (ly hôn, tranh chấp về nuôi con); bị đơn (bà Phạm Thị L) đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 9, xã H, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, chỗ ở: Thôn 13, xã H, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng,

theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (bà L) đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng bà L không chấp hành theo triệu tập của Tòa án. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ; sao gửi đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo theo quy định của pháp luật; tạo điều kiện cho bà L thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Việc bà L không thực hiện theo giấy triệu tập của Tòa án là tự từ bỏ các quyền và không chấp hành nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà L.

- Về nội dung:

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của nguyên đơn phù hợp với tài liệu xác minh tại địa phương, thể hiện: Quan hệ hôn nhân giữa ông Đ, bà L được xác lập do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 18 tháng 10 năm 19xx, là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn phát sinh do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Năm 2010, do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, ông Đ, bà L đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, tình trạng vợ chồng giữa ông Đ, bà L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của ông Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận, xử cho ông Đ được ly hôn bà L.

[5]. Về con chung: Ông bà có một con chung là Đào Xuân L, sinh ngày 12 tháng 10 năm 19xx, đã trưởng thành, không phải nuôi dưỡng nên không đặt ra để giải quyết.

[6]. Về tài sản và nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận về tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

[7]. Về án phí: Ông Đào Văn Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, **khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96**, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn Đ, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đào Văn Đ được ly hôn bà Phạm Thị L.
2. Về con chung: Ông bà có một con chung là Đào Xuân L, sinh ngày 12 tháng 10 năm 19xx, đã trưởng thành, không phải nuôi dưỡng.
3. Về án phí: Ông Đào Văn Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ông Đ đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0011875 ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng. Như vậy, ông Đ đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng (ĐKKH 19xx);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Huyền Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đình Bảng

Nguyễn Văn Nhòng

Phạm Thị Huyền Trang

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã Tây Hưng, huyện
Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Huyền Trang